

# HỌC THUYẾT MÁC VỀ LAO ĐỘNG: LAO ĐỘNG LÀ GIÁ TRỊ GỐC CỦA MỌI GIÁ TRỊ

*Phạm Minh Hạc\**

*Vấn đề lao động là vấn đề đời sống hàng ngày, mọi người trong xã hội, có lẽ từ khi biết trò chơi, nhất là từ khi bắt đầu học tập, đều quen thuộc. Nhưng với tư cách là đối tượng nghiên cứu khoa học, lao động là một vấn đề không đơn giản chút nào. Cứ xem qua lịch sử các khoa học, bắt đầu từ kinh tế học, rồi triết học, xã hội học, tâm lý học..., lao động nói chung, lý luận giá trị lao động nói riêng cực kỳ phức tạp – như Các Mác (Karl Marx, 1818-1883) viết: phần nói về hình thái giá trị là phần khó nhất trong tác phẩm “Tư bản”. Nhưng mục tiêu của bài này chỉ là tìm hiểu lao động dưới góc độ của Giá trị học, tức là xác định lao động như một giá trị trong hệ giá trị của loài người (giá trị xã hội), cũng như của từng con người (trong hệ giá trị nhân cách). Trên cơ sở đó giới thiệu một vài kết quả khảo sát giá trị lao động trẻ qua một số số liệu giúp hiểu được lao động trẻ ở ta nghĩ như thế nào về lao động.*

## I. Đặt vấn đề

Bài viết này tìm hiểu lao động dưới góc độ khoa học giá trị vì vậy không đi vào vấn đề lao động như là đối tượng của kinh tế học hay kinh tế-chính trị học. Tất nhiên, phải nói trong một chừng mực nhất định tới nội hàm của lao động, giá trị lao động - học thuyết về giá trị của Mác. Đây là cơ sở tư tưởng phương pháp luận của toàn bộ công trình nghiên cứu khoa học giá trị của chúng tôi. Nói tới học thuyết này trong ngữ cảnh ở đây phải trình bày vấn đề tha hoá – tha hoá lao động, tha hoá người công nhân... - do Mác là người đầu tiên đi vào nghiên cứu năm ông mới 26 tuổi, cách đây hơn một thế kỷ rưỡi, cho đến ngày nay vẫn đang là một vấn đề thời sự nóng bỏng. Ở đây không bàn sâu và tỷ mỉ, mà chỉ xem xét vấn đề tha hoá như là một cơ sở lý luận-

triết học của giá trị học: thấy được giá trị của lao động quan trọng đối với tất cả các giá trị xã hội và giá trị nhân cách của con người như thế nào: đó là **giá trị gốc** trong hệ giá trị của xã hội, cộng đồng và từng con người. Một số khía cạnh lý luận trình bày được minh hoạ bằng một số số liệu điều tra thái độ giá trị của thanh niên ta trong thời gian gần đây, cũng như một số nét về tình hình lao động, vừa để làm thêm sáng tỏ vấn đề, vừa cập nhật với cuộc sống đang đổi mới từng ngày, hy vọng góp phần, dù chỉ như giọt nước trong biển cả, cải tạo thực tiễn, như Mác đã chỉ ra nhiệm vụ của các nhà triết học, mà cũng có thể coi là của tất cả các nhà khoa học xã hội-nhân văn.

## II. Lao động

Lao động gắn gũi với mỗi một chúng ta như chính cuộc sống của con người và loài người, gần như là một chân lý đơn giản. Có Từ điển tiếng Việt không có

---

\* GS; TSKH

mục từ này, có thể do quan niệm lao động là đem sức người, chân tay hoặc trí óc, khái niệm khoa học, không đơn giản một chút nào, ngược lại, cực kỳ phức tạp.

Lịch sử nghiên cứu hiện tượng phức tạp ấy bắt đầu từ Các Mác<sup>1</sup> với kiệt tác “Bản thảo kinh tế-triết học 1844”, trong tài liệu tiếng Anh trên mạng “...kinh tế và triết học...” – tác phẩm này có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với cả tâm lý học, như chúng tôi đã có dịp trình bày từ những năm 60 thế kỷ trước<sup>2</sup> và giá trị học trình bày ở đây. Mác đã đi vào nghiên cứu “bản chất của các quan hệ lao động”<sup>3</sup>, “quá trình lao động”<sup>4</sup>, “lao động là vật hoá lao động”<sup>5</sup> và trong sự vận động này lao động được hiểu như là “hoạt động thực tiễn”<sup>4</sup> – sau này, nhất là từ khoảng thập kỷ thứ ba thế kỷ XX cho đến ngày nay, cụm từ này, hay nói đúng hơn, phạm trù này (hoạt động thực tiễn) trở thành một khái niệm công cụ, một phạm trù cơ bản quan trọng nhất của triết học, tâm lý học<sup>6</sup>, xã hội học, và cả chính trị học. Đặc biệt trong “Tư bản” (1867) được đánh giá là tác phẩm vĩ đại và tác giả của nó được coi “là nhà triết học vĩ đại nhất của mọi thời đại”<sup>7</sup> đã dành chương V dưới đầu đề “Quá trình lao động ...”, trong đó Mác đã đưa ra định nghĩa “*Quá trình lao động...là một hoạt động có mục đích nhằm tạo ra những giá trị sử dụng, là sự chiếm đoạt những cái có sẵn trong thiên nhiên để thoả mãn những nhu cầu của con người, là điều kiện chung của sự trao đổi chất giữa con người và tự nhiên, là một điều kiện tự nhiên và vĩnh cửu của đời sống con người...*”<sup>8</sup>.

Đây thật là một định nghĩa đầy đủ và

chính xác về lao động, giúp ta vượt qua cách hiểu thô thiển “lao động là làm việc – là đem sức lực vào một công việc gì”. Ít nhất, có thể nói tới ba nội dung: Thứ nhất, là một điều kiện tự nhiên và vĩnh cửu của đời sống con người, lao động là một thuộc tính vốn có của con người, tạo nên cuộc sống của con người - một đặc điểm đặc trưng đã làm con người khác hẳn động vật, một đặc điểm mãi mãi đi theo con người, đánh mất nó - mất luôn cả con người. Mác đã chỉ ra: lao động tạo nên **tính loài** của con người. Đó chính là **tính người**. Như vậy, lao động là “lực lượng bản chất”<sup>9</sup> của con người-giá trị gốc của con người và loài người.

Thứ hai, lao động được xem xét như một quá trình, một sự vận động giữa con người với tự nhiên, lấy cái có sẵn trong tự nhiên (chuyển thành tư liệu sản xuất tự nhiên hay tư liệu sản xuất đã qua sản xuất...), để thoả mãn nhu cầu của con người. **Học thuyết lao động của Mác đặt nền tảng cho cơ sở triết học của giá trị học**, bắt đầu từ giá trị sống còn đến các giá trị tinh thần: nói đến lao động là trực tiếp bàn đến bản thân con người. Điều rất đáng chú ý là Mác đã lấy con người, lợi ích vật chất, nhu cầu của con người - lấy con người thực dưới dạng phân tích, khái quát, trừu tượng làm điểm xuất phát cho các công trình đang trích dẫn ở đây, nêu bật sự khác biệt chất lượng giữa con đường thoả mãn nhu cầu của con người với động vật chính là lao động được coi là hoạt động có mục đích.

Thứ ba, quá trình lao động là hoạt động có mục đích nhằm tạo ra giá trị sử dụng. Ở dưới sẽ nói tới lao động tạo ra

giá trị. Bây giờ bàn về định nghĩa “lao động là hoạt động có mục đích”. Như chúng ta đã biết, Mác tiếp thu phạm trù hoạt động của Hêghen (F. Hegel, 1770-1831), nhưng như Mác viết: “Ở Hêghen, phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất. Chỉ cần dựng nó lại là sẽ phát hiện được hạt nhân hợp lý của nó ở đằng sau lớp vỏ thần bí”; không phải từ ý niệm tuyệt đối, mà từ hoạt động thực tiễn (trong tác phẩm “*Tư bản*” Mác đã từ hàng hoá và quá trình sản xuất ra hàng hoá...) để hiểu lao động là một hoạt động “biến đổi hình thái của các thực thể của tự nhiên theo cách có ích cho họ”<sup>11</sup> - tạo ra sản phẩm như là quá trình vật thể hoá lực lượng bản chất người. Hoạt động có mục đích, cũng tức là có ý thức, đó là khác biệt cơ bản nhất, đặc trưng nhất giữa con người và động vật: giữa người thợ dệt và con nhện, giữa kiến trúc sư và con ong. Mác viết: “Con nhện làm những động tác giống như của người thợ dệt, và bằng việc xây dựng những ngăn tổ sáp của mình, con ong còn làm cho một kiến trúc sư phải hổ thẹn. Nhưng điều ngay từ đầu phân biệt nhà kiến trúc sư tồi nhất với con ong giỏi nhất là trước khi xây dựng những ngăn tổ ong bằng sáp, nhà kiến trúc sư đã xây dựng chúng ở trong đầu óc của mình rồi.

Cuối quá trình lao động, người lao động thu được cái kết quả mà họ đã hình dung ngay từ đầu quá trình ấy, tức là đã có trong ý niệm rồi. Con người không chỉ làm biến đổi hình thái những cái do tự nhiên cung cấp; con người cũng đồng thời thực hiện cái mục đích tự giác của mình, mục đích ấy quyết định phương thức hành

động của họ giống như một quy luật và bất ý chí của họ phải phục tùng nó. Ngoài sự căng thẳng của các khí quan đang làm việc thì trong suốt cả thời gian lao động, còn cần phải có một ý chí hướng vào mục đích, biểu hiện ra trong sự chú ý...”<sup>12</sup>. Tiếp theo Mác viết: lao động “với tư cách là một sự vận động thể lực, trí lực” càng ít thích thú, càng phải tập trung chú ý.

Đoạn vừa trích dẫn có nội dung hết sức phong phú và cực kỳ quan trọng, nhất là đối với tâm lý học; nói khái quát, ta thấy bắt đầu từ quá trình tưởng tượng, đi liền theo là quá trình ý thức về biểu tượng như là sản phẩm của tưởng tượng, rồi quá trình dùng sức mạnh cơ bắp, trí tuệ biến đổi đối tượng lao động, tạo ra sản phẩm lao động, thực hiện mục đích tự giác của mình. Tiếp theo, Mác nói đến quy luật hành động: mục đích quyết định cách thức hành động, bao gồm cả thao tác; ở đây có vai trò của ý chí hướng vào mục đích; trong quá trình thực hiện mục đích con người tiến hành cả quá trình thay đổi, hoàn thiện, phát triển bản thân. Kết quả cho thấy để giải thích lao động là gì, cần nói tới nhiều quá trình và phẩm chất tâm lý: tưởng tượng, hành động (cả hành vi, thao tác), mục đích, ý thức, ý chí, trí tuệ (cảm tính và lý tính), thể lực...

Tóm lại, con người đem tâm lực, thể lực, trí lực vào lao động là hoạt động có mục đích bảo đảm cuộc sống vật chất-tinh thần của bản thân, gia đình, đồng thời đóng góp xây dựng, phát triển cộng đồng, xã hội. Lao động thực là giá trị gốc trong hệ giá trị: **lao động tạo ra mọi giá trị**, cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần, của con người, cộng đồng, xã hội.

### III. Giá trị lao động

Như Ph. Ăngghen (Federich Engels, 1820-1895) đã chỉ ra, “lần đầu tiên Mác đã trình bày về học thuyết giá trị”<sup>13</sup> trong tác phẩm “Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị” (1859). Trước khi trình bày học thuyết của mình, Mác đã điễm lại trong mục “Lịch sử của sự phân tích hàng hoá”<sup>14</sup> các phát kiến của các nhà kinh tế học trước ông, như A. Smít (Adam Smith, 1723-1790), Đ. Ricácđô (David Ricardo, 1772-1823), v.v... Trong chương IV, quyển Một tác phẩm kinh điển kinh tế học “Phúc lợi nhà nước” (1776) A.Smít đã căn cứ vào tính có ích của sự vật, xác định giá trị của sự vật và phân ra hai loại giá trị: giá trị sử dụng và giá trị trao đổi; trong chương V, quyển Một tác phẩm này ông khẳng định: giá trị của mọi hàng hoá được xác định ở chỗ, thứ nhất, ai chiếm lĩnh được nó, thứ hai, để trao đổi lấy hàng hoá khác<sup>15</sup>. Còn Ricácđô thì đã chỉ ra rằng lao động có giá tự nhiên và giá thị trường<sup>16</sup>. Mác đi đến kết luận: giá trị sử dụng là “kết quả của sức sống đã tiêu phí của con người... là lao động được vật hoá... tất cả mọi hàng hoá đều là kết tinh của một thể thống nhất... là lao động xã hội vật thể hoá... lao động thể hiện trong giá trị trao đổi”<sup>17</sup>, nhấn mạnh rằng giá trị là lao động xã hội trừu tượng cần thiết để tạo ra hàng hoá.

Tóm lại, lao động là nguồn gốc của mọi giá trị. Lao động chính là “giá trị nội tại (intrinsic value)”<sup>18</sup> chứa đựng trong mọi vật thể, bao gồm cả giá trị sử dụng, giá trị trao đổi, và cả giá trị tinh thần - đối tượng của giá trị học. Với ý nghĩa này, người ta nói: cấu tạo hữu cơ của hàng

hoá bao gồm hai mặt là mặt vật chất và mặt giá trị, tức là phải thấy đằng sau sự vật, hàng hoá là tính xã hội, tính lịch sử, như các nhà nghiên cứu Trung Quốc nhận xét, “Mác đã khắc phục triệt để nhược điểm to lớn phi xã hội và phi lịch sử trong lý luận giá trị của kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản, khẳng định rõ tính xã hội và tính lịch sử của giá trị”<sup>19</sup>. Như vậy là việc xác định giá trị và thái độ đối với giá trị căn cứ vào tính có ích của vật thể (hàng hoá) mang giá trị hay của chính giá trị; tính có ích này mang tính xã hội: lao động mang theo các quan hệ người - người, các quan hệ liên nhân cách..., nói khái quát, các quan hệ xã hội, các quan hệ sản xuất; vật thể hay giá trị có ích cho người khác không; cộng đồng, xã hội có chia sẻ tính lợi ích hay giá trị đó không. Tính có ích còn mang tính lịch sử: nó là sản phẩm của lịch sử (kế thừa), phù hợp với lúc này, không phù hợp với lúc khác. Đó là quan điểm duy vật lịch sử, duy vật biện chứng vận dụng vào khoa học giá trị.

### IV. Lao động tha hoá

Đi vào vấn đề tha hoá lao động sẽ hiểu bản chất của lao động, giá trị lao động sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. Mác viết về vấn đề này trong “Bản thảo kinh tế-chính trị 1844”. Vấn đề quá phức tạp kéo theo cả tác phẩm cũng “long đong”: 83 năm sau lần đầu tiên được xuất bản một phần, và thêm 24 năm nữa xuất bản toàn văn bằng tiếng Nga; 88 năm sau - xuất bản toàn văn bằng tiếng Đức (mặc dù bản thảo viết bằng tiếng Đức); 115 năm sau - xuất bản bằng tiếng Pháp; lần đầu xuất bản bằng tiếng Việt vào những năm 60 thế kỷ

trước, lần thứ hai – trong tập 42, toàn tập Mác và Ăngghen – năm 2000. Và đến những năm 70 thế kỷ trước còn có người như Mác-ga-rét Phay (Margaret Fay) viết luận án tiến sĩ về Bản thảo này, năm 1983 luận án xuất bản toàn văn. Điều quan trọng cần nhấn mạnh ở đây là cho đến ngày nay tác phẩm bất hủ này, như trong dịp kỷ niệm 150 năm Bản thảo 1844 ra đời đã khẳng định, vẫn còn nguyên giá trị, vì một lẽ đơn giản, lao động bị tha hóa vẫn còn nguyên<sup>20</sup>. Như trên đã nói, chúng tôi chỉ xem xét vấn đề tha hóa, để hiểu giá trị của lao động trong hệ giá trị của con người, cộng đồng, xã hội.

*Mác viết: "Kinh tế chính trị học bỏ qua không nói đến sự tha hóa trong thực chất của lao động, vì nó không xem xét quan hệ trực tiếp giữa người công nhân (lao động) và sản phẩm do anh ta sản xuất ra... Chúng tôi lấy sự kiện kinh tế hiện nay làm điểm xuất phát: Người công nhân sản xuất càng nhiều của cải, sức mạnh và khối lượng sản phẩm của anh ta càng tăng, thì anh ta càng nghèo. Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hoá, anh ta lại trở thành một hàng hoá càng rẻ mạt. Thế giới vật phẩm càng tăng thêm giá trị, thì thế giới con người càng mất giá trị. Lao động không chỉ sản xuất ra hàng hoá mà thôi: nó sản xuất ra bản thân nó và sản xuất ra người công nhân với tính cách là hàng hoá..."*

Không đi vào vấn đề sở hữu, bóc lột, tích lũy tư bản..., ngữ cảnh ở đây nêu bật nhận xét: lao động sản xuất ra người công nhân – ra “thế giới bên trong”, tâm lý, tinh thần, nhân cách (“phẩm cách”) - hệ thống thái độ của con người.

Khi bị tha hoá, con người chỉ còn lại như một “*chủ thể thể xác*”, “trong những chức năng con người... chỉ còn là con vật”.

Tìm hiểu khái niệm tha hoá giúp hiểu thấu đáo hơn nhận xét đó. Biểu thị đầu tiên dễ quan sát thấy là tha hoá đối với vật phẩm do lao động làm ra: vật phẩm ấy “*đổi lập với lao động như một thực thể xa lạ...*”, tha hoá là “*sự mất vật phẩm... bị vật phẩm nô dịch*”, là “*sự nhượng đi*”. Rồi đến tha hoá chính lao động: khi bị tha hoá, “lao động trở thành một lực lượng độc lập đối lập với anh ta”, “*chống lại anh ta*”, và khi ấy đời sống sản xuất chỉ còn là phương tiện “*duy trì sự sinh tồn thể xác*”<sup>21</sup>.

Tóm lại, người lao động bị tha hoá đánh mất chính bản thân mình, đánh mất bản chất của mình, mất cả bản chất nhân loại (tính người, tình người) lẫn các quan hệ xã hội (nhóm, cộng đồng...) của bản thân. Lao động tha hoá thể hiện ra ở bốn khía cạnh: (1) tha hoá với sản phẩm lao động; (2) tha hoá với quá trình sản xuất hay với chính công việc; (3) tha hoá với loài người và (4) tha hoá các tiềm năng của con người<sup>22</sup>.

Như vậy, qua phân tích tha hoá, thấy rõ hơn vai trò của lao động đối với con người, xã hội và cả loài người: lao động đúng là giá trị gốc của mọi giá trị, kể cả các giá trị loài người là các giá trị đương nhiên con người có từ trong bào thai hay từ khi sinh ra, rồi tới các giá trị sống còn (sinh tồn), và đặc biệt đối với các giá trị tinh thần đặc trưng của con người, như các giá trị xã hội, giá trị nhân cách... thì quá hiển nhiên.

## V. Một vài kết quả khảo sát giá trị lao động ở lao động trẻ ta

### 1. Vài nét tình hình chung

Dân số nước ta hiện nay khoảng 83 triệu, lực lượng lao động khoảng 43 triệu, trong đó lao động trẻ khoảng 21-22 triệu - đây thường được coi là một thế mạnh của chúng ta. Dân cư sống ở vùng nông thôn khoảng hơn 75%, hoặc ít hơn một chút, còn lại ở khu vực đô thị, bao gồm các khu công nghiệp với khoảng 10 triệu công nhân - lực lượng lao động sản xuất công nghiệp - lực lượng này tăng nhanh từ khi có đường lối đổi mới (sau năm 1986). Nhưng việc đào tạo lực lượng lao động nói chung không theo kịp phát triển số lượng đội ngũ: đến nay mới có 26% qua đào tạo nghề. Đây là một điểm yếu của nước ta.

Chúng ta đang đẩy mạnh công nghiệp hoá (CNH) theo hướng hiện đại. Nói đến CNH là phải nói tới công nhân. Tất nhiên, đi liền với công nhân là kỹ thuật, khoa học. Cũng phải nói tới một thực tế là chúng ta đang sống với cả nền văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp (lại có cả công nghiệp thủ công, công trường thủ công, đại công nghiệp), văn minh hậu hiện đại. Cho nên cơ cấu xã hội của những người công nhân cũng không thuần nhất lắm. Hơn nữa, nước ta đang phấn đấu thoát khỏi tình trạng kém phát triển (Đại hội X ĐCSVN, 2006), cuộc sống của số không nhỏ người lao động còn rất khó khăn, nhiều người còn nặng về giá trị sống còn, như kết quả điều tra giá trị gần đây cho thấy<sup>23</sup>. Dưới đây cung cấp thêm một số số liệu để hiểu lao động trẻ ở ta nghĩ như thế nào về lao động.

### 2. Phương pháp, đối tượng và thời gian nghiên cứu

Trong chương trình KH-CN Nhà nước KX.05 có đề tài KX.05.07 tiến hành thời kỳ 2001-2005. Đề tài này đi vào nghiên cứu nhân cách của lao động thanh niên, sinh viên, học sinh cuối bậc phổ thông, Việt kiều theo phương pháp NEO.PI-R cải biên - phương pháp nghiên cứu 5 yếu tố lớn của nhân cách (cân bằng cảm xúc, hướng ngoại, cởi mở, dễ chấp nhận, có chí phấn đấu), bổ sung thêm phần “đặc thù Việt Nam”, bằng phương pháp điều tra viết trả lời các câu hỏi như cách điều tra giá trị thế giới đã tiến hành vài thập kỷ nay, kết hợp với phỏng vấn sâu (hỏi - đáp tỉ mỉ với từng người). Đã tiến hành điều tra 5.750 người, trong đó 1000 (N) lao động trẻ, 90% số này từ 35 tuổi trở xuống, ở 11 tỉnh thành thuộc 3 miền<sup>24</sup>. Ngoài ra, chúng tôi có sử dụng số liệu của Điều tra giá trị châu Á (9 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam) mới tiến hành gần đây.

### 3. Kết quả nghiên cứu

Các nhà kinh tế học kinh điển A.Smit, C.Mác... đã nêu lên nỗi lo lắng nhất của người lao động liên quan rất nhiều với tha hoá lao động<sup>25</sup>. Nghiên cứu lao động trẻ Việt Nam đầu thế kỷ mới cho kết quả đúng như vậy:

#### Mức độ thoả mãn về việc làm

Trả lời	%(N)
Rất thoả mãn	16.
Thoả mãn vừa phải	26.7
Chẳng thoả mãn mà cũng chẳng không thoả mãn	45.
Không thoả mãn một ít	9.7
Rất không thoả mãn	1.9
Không trả lời	0.7

Nguồn: Điều tra giá trị châu Á, Trung tâm nghiên cứu Nippon, Nhật, 2006.

Qua bảng số liệu này ta thấy chưa được nửa (42.7%) số người được hỏi trả lời là thoả mãn (ở các mức độ khác nhau), còn lại, quá nửa – không thoả mãn. Sau hai thập kỷ đổi mới tình hình mới được như thế: chưa phải là đa số đã vượt qua ngưỡng “sống còn”, tuy đã được cải thiện. Mong muốn như vậy, khá nhiều người tham gia cuộc điều tra không an tâm làm việc: 19%(N) muốn đổi nghề, 24.4% đang phân vân (xem Ct.24, tr.425).

Trong cuộc điều tra giá trị nhân cách, một số số liệu đưa ra dưới đây một lần nữa lại chứng tỏ người lao động còn những mối lo khá trực tiếp tới sự tồn tại của họ:

**Nỗi lo sợ nhất trong 5 năm tới của lao động trẻ**

Nỗi lo sợ	% (N) trả lời
Gia đình không hạnh phúc	71.8
Không có việc làm, làm không đúng nghề	66.2
Sức khoẻ không tốt	62.5
Thiên tai địch hoạ	32.
Mất kiểm soát bản thân	15.9

*Nguồn: KX.05.07, 2003 (xem Ct.24, tr. 413)*

Qua bảng này thấy người lao động trẻ hiện nay ưu tiên hàng đầu tập trung vào cuộc sống cá nhân và gia đình, ngày càng thể hiện rõ xu thế từ “con người xã hội”, “con người tập thể” sang “con người cá nhân” theo xu thế giảm tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Bên cạnh đó có những mặt mạnh được nảy nở, phát triển là từ bỏ tư tưởng bao cấp, ỷ lại, chấp nhận cạnh tranh, sẵn sàng vượt qua thách thức, vươn tới sự tự khẳng định mình. Các số liệu điều tra về các mong muốn

quan trọng nhất ở lao động trẻ sẽ trình bày dưới đây là một minh chứng thêm cho nhận xét vừa nêu:

**Mong muốn quan trọng nhất trong 5 năm tới của lao động trẻ**

Trả lời	%(N)
Hạnh phúc gia đình	98.3
Nghề nghiệp phù hợp	65.9
Sức khoẻ tốt	38.6
Kinh tế gia đình phát triển	23.7

*Nguồn: KX.05.07, xem Ct. 24, tr. 41*

Đúng là đến tuổi trưởng thành phải lo đến nghề nghiệp, lao động có nghề có nghiệp là đòi hỏi của cuộc sống, đây là điều kiện đầu tiên đảm bảo làm người chân chính: “Cần” – chăm chỉ làm việc – là yêu cầu trước hết trong đạo đức làm người, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy chúng ta như vậy, chân lý cuộc sống đúc kết là như vậy! Nhưng đạo làm người của chúng ta đâu chỉ chăm chăm vào hạnh phúc gia đình, không có cộng đồng, dân tộc, đất nước, ta sống sao được, phải có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội - đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một con số chúng ta, nhất là các nhà giáo dục, rất đáng quan tâm: 1/3 số người tham gia điều tra trả lời chưa tích cực (nhiều khi không) hoạt động xã hội, ½ số họ có nhịp độ lao động thấp (xem Ct. 24, tr.574), tiêu chuẩn “luơng tâm, trách nhiệm” được xếp thứ hạng cuối cùng trong 5 tiêu chuẩn của mẫu người lý tưởng, như học vấn, thông minh sáng tạo, sức khoẻ, tự tin.

Các số liệu vừa dẫn ở trên cho thấy có những biểu hiện khá rõ sự tha hoá ở lao động trẻ của chúng ta: đối với họ công việc có gì đó bất ổn, bắt buộc, nặng nề, không gắn bó, sẵn sàng “chia tay”; coi

công việc của cộng đồng, xã hội là xa lạ, là việc của người khác, kiểu như “sống chết mặc bay”... Đây là chưa nói tới ở một số khu chế xuất, doanh nghiệp nước ngoài hoặc liên doanh, đời sống của người lao động (phần lớn là lao động trẻ) quá khó khăn: lương thấp, khẩu phần ăn không đủ ca lo, nơi ở quá chật chội, đời sống tinh thần quá nghèo nàn (có khi còn xấu hơn thế)... đúng là càng làm phong phú cho xã hội bao nhiêu, nhân cách của họ càng nghèo nàn đi bấy nhiêu... Phải xem xét vấn đề tha hoá lao động, và kéo theo là tha hoá con người, tha hoá giai cấp, một cách hết sức nghiêm túc. Đó chính là vấn đề tư bản và lao động, chủ và thợ. Cả về lý luận lẫn thực tiễn, đây là mấu chốt của việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân của chúng ta hiện nay. Tất nhiên, lập trường giải quyết vấn đề, như Nghị quyết Đại hội X Đảng ta (2006) đã đề ra, là đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, đưa nước ta thành một nước phát triển. Nhưng phải giải quyết lợi ích hai bên thực sự thoả đáng. Phải xem lại, và nếu cần thì bổ sung, luật pháp và các văn bản pháp quy, vừa bảo đảm phát triển kinh tế, vừa phát triển tốt xã hội, con người, đừng quá thiên về gọi vốn càng nhiều càng hay (mà đúng như thế thật), đừng mặc cho họ bóc lột người lao động. Mặt khác, phải tạo điều kiện cho người công nhân phát triển mà trước hết Nhà nước phải đầu tư cho giáo dục, nhất là giáo dục nghề và liên thông đào tạo, để họ nâng cao tay nghề ở các trình độ cao hơn. Về vấn đề này, có thể tham khảo mấy số liệu nói lên tình hình rất bức xúc:

### Trình độ đào tạo của công nhân 3 tỉnh, thành phố

(% đội ngũ)

Trình độ	Hà Nội	Hải Phòng	Quảng Ninh
Đại học - Cao đẳng	17.45	4.84	3.96
THCN-CNKT	25.	18.5	22.6
Chưa qua đào tạo	57.55	76.6	73.5

Nguồn: KX.05.08, Hà nội, 2005.

Bên cạnh chế độ lao động, thu nhập, điều kiện sinh hoạt..., đào tạo nâng cao tay nghề là con đường đem lao động về với người lao động: giảm bớt tha hoá. Ngày nay có lý thuyết “tự bình ổn”, “tự điều chỉnh”<sup>26</sup>. Các nước Bắc Âu xây dựng nhà nước phúc lợi, bảo đảm các loại bảo hiểm, an sinh xã hội, đặc biệt phát triển bền vững con người (giáo dục, y tế...). Lao động là nguồn duy nhất để tạo ra phúc lợi nhà nước, như Adam Smit đã chỉ ra; và ngay từ ngày đó (1776) ông đã chỉ ra rằng muốn tăng phúc lợi, nhà nước phải đầu tư vào giáo dục, cải tiến và nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động. Nhiều nước phát triển đi trước ta đã làm như thế, trông cậy vào công nghệ và cải tiến thể chế, nhất là cải cách hành chính, tài chính minh bạch, chống tham nhũng... Họ coi đó là các phương cách cải thiện (có người nói: tiến tới xoá bỏ) tình hình tha hoá lao động (xem Ct. 25). Vấn đề cực kỳ phức tạp, liên quan đến các “đại vấn đề”, như vấn đề sở hữu, vấn đề tư bản bóc lột... Gần đây, có người đang mong đợi ở nền kinh tế tri thức. Hy vọng thời gian và sự vận động xã hội sẽ trả lời!



**Tài liệu tham khảo**

1. Đ.Kétsel (David Kessel). *Lao động và lao động tha hoá trong xã hội tư bản*. Tiếng Anh. Google, 27-9-2007.
2. Phạm Minh Hạc. *Tuyển tập Tâm lý học*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, các tr.45, 255, 298.
- 3.C.Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 42. Nxb.CTQG, Hà Nội, 2000, tr.132.
4. Xem chú thích (Ct) 3, tr.134.
- 5.C. Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 13. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993, tr.23.
6. Phạm Minh Hạc. Xem Ct 2, *Hành vi và hoạt động*, tr.171-363.
7. S.Grêch (Samuel Gregg). Viện Acton nghiên cứu tôn giáo và tự do. "*Low Marx for Poor Memory*". Google, 30-6-2007.
8. C. Mác, Ph. Ăngghen *Toàn tập*, tập 23. Nxb.CTQG, Hà Nội, 1993, tr.275 - 276.
9. C.Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, t.42, Hà Nội, 2000, tr.184.
10. Các Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, t.23. Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.35.
11. Xem Ct. 10, tr.113.
12. Xem Ct. 10, tr.266-267
13. C.Mác, Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*, tập IV. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983, tr.505.
14. Các Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, t.13. Nxb.CTQG, Hà Nội, 1993, tr.56-67.
15. *Lý thuyết lao động của giá trị*. Bách khoa thư Wikipedia.
16. Đ.Ricácđô. *Lý thuyết lao động của giá trị*. Ch.27 Google 14.9.2007.
17. Các Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, t.13, tr.23.
18. Các Mác và Ph. Ăngghen. Xem Ct. 17, tr. 61.
19. *Lịch sử chủ nghĩa Mác*. T.I. Nxb.CTQG, tr.390.
20. C.Phelps (Christopher Phelps). *Bàn luận về 1844 - Vì sao Mác còn là chủ đề*, tiếng Anh. T/c Chính trị mới, t.5, số 2, Mùa Đông 1995. Google.
- 21.C.Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, t.42, Hà Nội, 2000, các tr.128-13.
22. *Mác bàn về tha hoá*. Xã hội học, 30.9.2002, tiếng Anh. Google.
23. Phạm Minh Hạc. *Báo cáo tại hội thảo "Giá trị châu Á"*, Tokyo, Nhật, 14-15 tháng 12-2006.
- 24.Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- 25.G.C. Ácsibal (G.C.Archibald). *Các nhà kinh tế kinh điển bàn về sự lo âu, xung đột và tha hoá của lao động*. Tiếng Anh, IDEAS, Google.
26. *Lý thuyết lao động của giá trị và vai trò chiến lược của tha hoá*. T/c Tư bản và giai cấp, mùa hè 2002. Google.